|  |  |
| --- | --- |
| BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ  **VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CÁC KT-KT** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /TTr-CNN | *Hà Nội, ngày tháng năm 2024* |

**TỜ TRÌNH**

**Về việc ban hành Thông tư thay thế Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước**

Kính gửi: Bộ trưởng Huỳnh Thành Đạt

Thực hiện chỉ đạo của Bộ trưởng tại Quyết định số 2488/QĐ-BKHCN ngày 06/10/2021 ban hành Chương trình hành động của Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 20/5/2021 của Chính phủ, Vụ Khoa học và Công nghệ các ngành kinh tế - kỹ thuật đã chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng dự thảo Thông tư thay thế Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước (sau đây gọi tắt là dự thảo Thông tư).

Vụ Khoa học và Công nghệ các ngành kinh tế - kỹ thuật kính trình Bộ trưởng xem xét, ban hành Thông tư với các nội dung như sau:

# SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH THÔNG TƯ

## 1. Chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước

Triển khai Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, ngày 06/10/2021 Bộ trưởng Bộ KH&CN đã ban hành Quyết định 2488/QĐ-BKHCN Chương trình hành động của Bộ KH&CN về việc thực hiện Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 20 tháng 5 năm 2021 về Chương trình hành động của Chính phủ trong đó có một số giải pháp chủ yếu liên quan đến nhiệm vụ rà soát và hoàn thiện cơ chế chính sách. Cụ thể là:

(1) Hoàn thiện hành lang pháp lý và tập trung nguồn lực để thực hiện nội dung đột phá chiến lược về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng;

(2) Sửa đổi, hoàn thiện quy định quản lý nhiệm vụ KH&CN, chính sách kinh tế để thúc đẩy KHCN&ĐMST;

(3) Đổi mới cơ chế, phương thức quản lý các chương trình, nhiệm vụ KH&CN. Xây dựng cơ chế quản lý khoa học theo hướng hiện đại để giảm các thủ tục hành chính, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong quản lý chương trình, nhiệm vụ KH&CN. Xây dựng cơ chế tài chính cho các nhiệm vụ KH&CNsử dụng ngân sách Nhà nước theo hướng thông thoáng, đảm bảo nguyên tắc chấp nhận rủi ro trong nghiên cứu khoa học, tạo thuận lợi cho các nhà khoa học, đồng thời hướng đến sản phẩm cuối cùng, lấy hiệu quả làm mục tiêu;

(4) Rà soát sửa đổi các quy định về xét duyệt nhiệm vụ KH&CN theo hướng đơn giản hoá thủ tục hành chính, tạo điều kiện để doanh nghiệp tham gia nghiên cứu và ứng dụng kết quả nhiệm vụ KH&CN vào sản xuất - kinh doanh;

(5) Từng bước công khai, minh bạch tất cả các nhiệm vụ, đề tài nghiên cứu để chính các nhà khoa học và cộng đồng giám sát. Vận dụng linh hoạt nguyên tắc Khoa học mở theo Khuyến nghị của UNESCO đối với hoạt động KH&CN.

Từ những quan điểm chỉ đạo của Đảng cùng nhiệm vụ và giải pháp mà Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã đề ra, đối với ngành khoa học và công nghệ, việc rà soát, hoàn thiện đồng bộ cơ chế chính sách nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân, cộng đồng doanh nghiệp nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ và đổi mới sáng tạo là vấn đề cấp thiết cần sớm được triển khai. Trong đó, hệ thống các văn bản quản lý các nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia là thực sự cần thiết.

## 2. Những yêu cầu thực tiễn phát sinh

Căn cứ Luật KH&CN số 29/2013/QH13 ngày 18/6/2013; căn cứ Luật số 28/2018/QH14 ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật có liên quan đến quy hoạch, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2019, Bộ KH&CN đã phối hợp với các cơ quan, ban ngành liên quan trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật KH&CN năm 2013. Trên cơ sở phân nhóm loại hình nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước, Bộ KH&CN xây dựng các văn bản hướng dẫn khác nhau làm cơ sở cho triển khai các nhiệm vụ KH&CN và phân chia theo từng giai đoạn của quá trình triển khai nhiệm vụ, gồm: Xác định nhiệm vụ; tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ; kiểm tra, đánh giá quá trình triển khai nhiệm vụ; đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ; thu thập, lưu trữ và công bố thông tin kết quả thực hiện nhiệm vụ.

Chính vì vậy, trong những năm vừa qua, hệ thống văn bản quản lý luôn được Bộ KH&CN chú trọng hoàn thiện đặc biệt là việc đánh giá các kết quả thực hiện các nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước. Năm 2014 Bộ KH&CN đã ban hành quy định đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ KHCN cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước. Tuy nhiên, sau một thời gian áp dụng thông tư đã bộc lộ một số vấn đề như:

- Một số quy định trong Thông tư 11 còn chưa rõ ràng, cụ thể, chưa thực sự đồng bộ, thống nhất với các Thông tư quản lý, Thông tư tài chính khác.

- Thông tư chưa có các quy định phù hợp với tình hình hiện nay (xu thế quản lý qua nền tảng trực tuyến, các tình huống bất khả kháng do dịch bệnh, thiên tai), chưa bao quát hết các tình huống phát sinh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

- Chưa có biểu mẫu báo cáo tổng kết, báo cáo tóm tắt và báo cáo sản phẩm nên các tổ chức chủ trì còn lúng túng trong việc xây dựng, hầu hết các báo cáo được lấy từ mẫu của các Văn bản quy định từ giai đoạn trước;

- Các biểu mẫu đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, cần lượng hóa các đánh giá tương ứng với các trọng số, đồng thời đảm bảo tính khả thi, dễ dàng hơn cho Hội đồng trong công tác tư vấn đánh giá.

- Chưa quy định trình tự, thủ tục xác xác định số kinh phí phải hoàn trả ngân sách nhà nước đối với các nhiệm vụ được Hội đồng đánh giá, nghiệm thu xếp loại ở mức “không đạt”.

- Chưa có quy định về trình tự, thủ tục đánh giá, nghiệm thu các nhiệm vụ liên quan đến bí mật nhà nước.

Với các lý do nêu trên, việc nghiên cứu, rà soát các quy định quản lý hiện hành để từ đó đề xuất điều chỉnh/thay thế các quy định về đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ KHCN cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước là hết sức cần thiết nhằm khắc phục các tồn tại hiện có và tạo thông thoáng về quy trình thủ tục triển khai các nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia trong thời gian tới.

# QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO THÔNG TƯ

1. Đảm bảo sự thống nhất, đồng bộ với hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan;

2. Sửa đổi những quy định chưa phù hợp, bổ sung, cập nhật những điều chỉnh dựa trên nguyên tắc vận dụng hợp lý các văn bản quy phạm pháp luật mới được ban hành và sự phù hợp với tình hình thực tiễn, tạo thuận lợi cho các nhà khoa học, đồng thời hướng đến sản phẩm cuối cùng, lấy hiệu quả làm mục tiêu.

# QUÁ TRÌNH SOẠN THẢO THÔNG TƯ

Việc soạn thảo Thông tư đã tuân thủ đúng quy trình soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2020), Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật (đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ), cụ thể:

1. Thực hiện nhiệm vụ được Lãnh đạo Bộ giao, ngày 25/9/2021, Vụ CNN đã có công văn số 629/CNN gửi các đơn vị trực thuộc Bộ cho ý kiến đề xuất các nội dung sửa đổi, điều chỉnh đối với các quy định đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia. Trên cơ sở đề xuất của các đơn vị, Vụ CNN đã xây dựng dự thảo số 01 và Bảng tổng hợp các vấn đề chính cần sửa đổi lấy ý kiến nội bộ theo công văn số 172/CNN ngày 25/3/2022.

2. Ngày 23 tháng 6 năm 2022, Vụ CNN đã báo cáo Lãnh đạo Bộ có công văn số 1457/BKHCN-CNN gửi các bộ, ngành, địa phương lấy ý kiến dự thảo văn bản và đăng trên cổng thông tin điện tử của Bộ KH&CN lấy ý kiến rộng rãi. Kết quả: Vụ CNN đã nhận được ý kiến của 18/30 bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; 50/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Không có ý kiến trên cổng thông tin của Bộ KH&CN. Trên cơ sở đó, Vụ CNN đã nghiên cứu, xây dựng dự thảo số 02 của thông tư. Ngày 30 tháng 9 năm 2022 Vụ CNN đã có Công văn số 562/CNN gửi Vụ Pháp chế thẩm định dự thảo số 3 nêu trên *(Qua trao đổi, Vụ CNN đã bổ sung và hoàn thiện dự thảo theo ý kiến góp ý của Vụ PC)*

3. Thực hiện quy định về kiểm soát thủ tục hành chính, Vụ CNN đã có công văn số 591/CNN ngày 13/10/2022 gửi Văn phòng Bộ lấy ý kiến về thủ tục hành chính. Trên cơ sở góp ý của Văn phòng Bộ tại Công văn số 478/VP-KSTTHC ngày 10/11/2022, Vụ CNN đã hoàn thiện dự thảo số 3.

4. Ngày 22 tháng 02 năm 2023 Vụ CNN đã có công văn số 495/CNN ngày gửi Vụ Pháp chế để nghị thẩm định dự thảo số 3 của thông tư.

5. Trên cơ sở ý kiến thẩm định của Vụ Pháp chế tại Công văn số 86a/PC ngày 24/2/2023, CNN đã nghiên cứu tiếp thu và tiếp tục hoàn thiện dự thảo.

6. Từ tháng 3/2023 – đến nay, Vụ tiếp tục hoàn thiện dự thảo Thông tư và các Biểu mẫu kèm theo trên cơ sở đồng nhất với các Thông tư số 06/2023/TT-BKHCN, Thông tư số 20/2023/TT-BKHCN mới được ban hành.

# KẾT CẤU VÀ NỘI DUNG CHÍNH CỦA DỰ THẢO THÔNG TƯ

## 1. Về kết cấu dự thảo Thông tư, gồm: 06 Chương, 30 Điều, cụ thể:

a) Chương I “Những quy định chung” (từ Điều 1 đến Điều 3), gồm: Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng; Giải thích từ ngữ; Nguyên tắc đánh giá.

b) Chương II “Quy trình đánh giá, nghiệm thu và xử lý kết quả thực hiện nhiệm vụ cấp quốc gia” (từ Điều 4 đến Điều 14), gồm: Hồ sơ đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ cấp quốc gia; Nộp hồ sơ đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ cấp quốc gia; Thông tin về kết quả thực hiện nhiệm vụ cấp quốc gia; Hội đồng và tổ chuyên gia tư vấn đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ cấp quốc gia; Phiên họp của hội đồng đánh giá, nghiệm thu; Yêu cầu đánh giá của Hội đồng; Nội dung, thang điểm đánh giá và yêu cầu đối với sản phẩm của nhiệm vụ cấp quốc gia; Nguyên tắc chấm điểm và xếp loại đối với nhiệm vụ cấp quốc gia; Tư vấn độc lập; Xử lý kết quả đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ cấp quốc gia; Xử lý khi phát hiện vi phạm sau khi đánh giá, nghiệm thu.

c) Chương III “Đăng ký, lưu giữ và công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ cấp quốc gia” (từ Điều 15 đến Điều 16), gồm: Đăng ký và lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ cấp quốc gia; Công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ cấp quốc gia.

d) Chương IV “Quy trình đánh giá, nghiệm thu và xử lý kết quả thực hiện nhiệm vụ cấp quốc gia liên quan bí mật nhà nước” (Từ Điều 17 dến Điều 19, gồm: Chuẩn bị hồ sơ, nộp hồ sơ và mở hồ sơ đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ cấp quốc gia; Hội đồng và tổ chuyên gia tư vấn đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ cấp quốc gia; Tư vấn độc lập, xử lý kết quả, đăng ký, lưu giữ và công nhận kết quả đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ cấp quốc gia.

đ) Chương VI “Trách nhiệm của các tổ chức và cá nhân” (từ Điều 20 đến Điều 26), gồm: Trách nhiệm của Bộ chủ trì nhiệm vụ cấp quốc gia; Trách nhiệm của cơ quan đề xuất đặt hàng nhiệm vụ cấp quốc gia; Trách nhiệm của tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ cấp quốc gia; Trách nhiệm của tổ chức và chuyên gia tư vấn độc lập; Trách nhiệm của thành viên hội đồng; Trách nhiệm của thành viên Tổ chuyên gia; Trách nhiệm của Tổ thẩm định.

đ) Chương V “Tổ chức thực hiện” (từ Điều 27 đến Điều 30), gồm: Áp dụng pháp luật; Hiệu lực thi hành; Quy định chuyển tiếp; Tổ chức thực hiện.

## 2. Dự thảo Thông tư đề xuất điều chỉnh một số nội dung chính sau:

Trên cơ sở tổng hợp ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan cũng như thực tiễn quá trình quản lý việc đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ cấp quốc gia, Vụ CNN kiến nghị điều chỉnh/thay thế 07 nội dung chính cũng như điều chỉnh đồng bộ trong hệ thống các quy định về đánh giá, nghiệm thu nhiệm cấp quốc gia, cụ thể:

**(1) Về phương thức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ KHCN quốc gia** hiện tại mới quy định hình thức đánh giá trực tiếp, chưa có hình thức trực tuyến hoặc vừa trực tuyến vừa trực tiếp. Trong điều kiện bình thường thì việc áp dụng hình thức đánh giá như trên triển khai thuận lợi, không phát sinh vướng mắc. Tuy nhiên, thời gian vừa qua do ảnh hưởng của dịch bệnh, phải thực hiện các biện pháp giãn cách để phòng chống dịch, cùng với sự phát triển của công nghệ số, công nghệ 4.0 thì nhu cầu đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN theo hình thức trực tuyến đã trở thành cấp thiết.

*Tồn tại, hạn chế:* Mặc dù hình thức đánh giá, nghiệm thu theo hình thức trực tuyến là rất thiết thực, cấp thiết trong điều kiện đất nước có thiên tai, dịch bệnh nhưng hàng lang pháp lý chưa có quy định đối với trường hợp này. Do đó, cần nghiên cứu đề xuất phương án điều chỉnh các quy định hiện hành, phù hợp với nhu cầu thực tiễn và trình độ công nghệ của nước nhà.

*Phương án:* Đề xuất bổ sung Điều 1a quy định riêng về hình thức đánh giá, nghiệm thu.

(2) Quá trình đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN không những căn cứ các quy định tại Luật KH&CN năm 2013, Nghị định 08/NĐ-CP mà còn theo quy định tại Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng vốn nhà nước. Trong đó, Thông tư số 02/2020/TT-BKHCN của Bộ trưởng Bộ KH&CN hướng dẫn thi hành khoản 1 Điều 41 Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng vốn nhà nước.

Theo Thông tư số 02/2020/TT-BKHCN, Tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ xây dựng phương án phát triển, thương mại hóa kết quả nhiệm vụ KH&CN theo quy định tại Mẫu số 02/PA Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 63/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 7 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 70/2018/NĐ-CP, gửi kèm hồ sơ đề nghị đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN để hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu có cơ sở đánh giá, kết luận về khả năng tiếp tục phát huy, hoàn thiện kết quả, thương mại hóa công nghệ, sản phẩm tại phiên họp đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

*Tồn tại, hạn chế:* Theo quy định trên, quá trình lập và nộp hồ sơ đánh giá của tổ chức chủ trì có phần khó khăn, lúng túng khi phải áp dụng nhiều văn bản hướng dẫn. Theo quy định hiện tại, trình tự làm việc của Hội đồng chưa có nội dung liên quan đến đánh giá về tiếp tục phát huy, hoàn thiện kết quả, thương mại hóa công nghệ, sản phẩm, gây khó khăn cho các cơ quản quản lý được Bộ chủ trì giao nhiệm vụ tổ chức đánh giá, nghiệm thu.

*Phương án:* Bổ sung phương án phát triển, thương mại hóa kết quả nhiệm vụ trong hồ sơ đề nghị đánh giá, nghiệm thu; quy định về nội dung đánh giá, kết luận của Hội đồng liên quan đến nội dung nêu trên …

**3) Về hồ sơ đề nghị đánh giá, nghiệm thu:** Quy định hiện hành về hồ sơ nghiệm thu cấp quốc gia bao gồm: (i) Công văn đề nghị đánh giá, nghiệm thu; (ii) Báo cáo tổng hợp và báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện nhiệm vụ; (iii) Báo cáo về sản phẩm KH&CN của nhiệm vụ; (iv) Bản sao hợp đồng và thuyết minh nhiệm vụ; (v) Các văn bản xác nhận và tài liệu liên quan đến việc công bố, xuất bản, đào tạo, tiếp nhận và sử dụng kết quả nghiên cứu (nếu có); (vi) Các số liệu (điều tra, khảo sát, phân tích…), sổ nhật ký của nhiệm vụ; (vii) Văn bản xác nhận về sự thỏa thuận của các tác giả về việc sắp xếp thứ tự tên trong danh sách tác giả thực hiện nhiệm vụ; (viii) Báo cáo tình hình sử dụng kinh phí của nhiệm vụ; (ix) Báo cáo tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ; (x) Các tài liệu khác (nếu có).

*Tồn tại, hạn chế:* Quy định hiện tại do chưa có biểu mẫu báo cáo tổng kết, báo cáo tóm tắt và báo cáo sản phẩm nên các tổ chức chủ trì còn lúng túng trong việc xây dựng, hầu hết các báo cáo được lấy từ mẫu của các Văn bản quy định từ giai đoạn trước, ảnh hưởng đến chất lượng báo cáo tổng hợp và có sự không đồng nhất giữa các nhiệm vụ. Vì vậy, để thuận lợi cho tổ chức chủ trì trong công tác chuẩn bị hồ sơ cần xây dựng bổ sung biểu mẫu nêu trên.

*Phương án:* Xây dựng các biểu mẫu báo cáo tổng kết, báo cáo tóm tắt và báo cáo sản phẩm của nhiệm vụ

**4) Về quy định tự đánh giá của tổ chức chủ trì trước khi nộp hồ sơ nghiệm thu cấp quốc gia:** Nhằm tạo cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của Tổ chức chủ trì, các quy định hiện hành cũng không quy định trình tự tự đánh giá của tổ chức chủ trì. Theo dó, tổ chức chủ trì tổ chức tự đánh giá theo các nhóm tiêu chí và nộp báo cáo kết quả tự đánh giá kèm theo hồ sơ đề nghị nghiệm thu.

*Tồn tại, hạn chế:* Trong bối cảnh toàn ngành KHCN đang hoàn thiện hành lang pháp lý theo hướng đổi mới cơ chế, phương thức quản lý các chương trình, nhiệm vụ KH&CN, xây dựng cơ chế quản lý khoa học theo hướng hiện đại để giảm các thủ tục hành chính, các văn bản điều chỉnh cần tăng tính tự chủ tự chịu trách nhiệm hơn nữa của tổ chức chủ trì trong quá trình tự đánh giá kết quả triển khai. Như vậy, cần xem xét bỏ quy định về tự đánh giá kết quả thực hiện, thay vào đó Tổ chức chủ trì đánh giá kết quả và tổng hợp trong “Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia”.

*Phương án:* Bỏ quy định về tự đánh giá, thay vào đó tổ chức chủ trì chủ động đánh giá kết quả thực hiện và lập báo cáo gửi kèm hồ sơ đánh giá nghiệm thu.

**5) Quy định về thời gian nộp hồ sơ đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ:** Quy định hiện tại quy “Việc nộp hồ sơ thực hiện trong thời hạn 30 ngày kể từ thời điểm kết thúc hợp đồng hoặc thời điểm được gia hạn hợp đồng (nếu có)”. Theo đó, Tổ chức chủ trì vẫn có thể nộp hồ sơ từ sau 30 ngày đến không quá 6 tháng kể từ ngày kết thúc hợp đồng hoặc thời gian được gia hạn, nếu nộp chậm quá 6 tháng thì Bộ chủ trì nhiệm vụ vẫn tổ chức họp Hội đồng và đánh giá ở mức “Không đạt”

*Tồn tại, hạn chế:* Một số tổ chức chỉ trì và chủ nhiệm thường kéo dài thời gian nộp hồ sơ quá 30 ngày, thậm trí có nhiều trường hợp nộp hồ sơ gần sát với thời điểm 6 tháng kể từ thời điểm kết thúc hợp đồng gây khó khăn cho cơ quan quản lý trong việc đảm bảo tiến độ quyết toán kinh phí theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 13 Thông tư số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 30/12/2015 của Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ “đ) Trong thời gian 04 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian thực hiện nhiệm vụ, tổ chức chủ trì có trách nhiệm thanh toán hết các khoản tạm ứng với đơn vị quản lý kinh phí để đơn vị quản lý kinh phí thực hiện thanh toán hết các khoản đã tạm ứng với Kho bạc Nhà nước. Trong thời gian 06 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian thực hiện nhiệm vụ nếu đơn vị quản lý kinh phí chưa thực hiện thanh toán tạm ứng với Kho bạc Nhà nước thì cơ quan tài chính đồng cấp thực hiện thu hồi bằng cách giảm trừ vào dự toán năm sau của đơn vị quản lý kinh phí.” mà không có chế tài để xử lý đối với trường hợp nêu trên.

Bên cạnh đó, đối với trường hợp nộp chậm quá 6 tháng thì cho dù chưa tổ chức đánh giá, nhiệm vụ chắc chắn sẽ bị loại bởi tiêu chí “nộp hồ sơ chậm trên 06 tháng” tại mẫu Phiếu đánh giá kèm theo Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN.

*Phương án:* Hiện nay tại khoản 3 Điều 15 Thông tư số 20/2023/TT-BKHCN đã điều chỉnh thời gian thực hiện nhiệm vụ như sau “Thời gian thực hiện nhiệm vụ bao gồm thời gian triển khai nghiên cứu và thời gian hoàn thiện hồ sơ phục vụ đánh giá nghiệm thu (không quá 03 tháng)”. Như vậy, Tổ chức chủ trì có thể có thểm tối đa 03 tháng để hoàn tất hồ sơ phục vụ đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ để nộp về Bộ KH&CN, do đó dự thảo xây dựng chế tài đối với trường hợp nộp muộn như sau: “Nếu Bộ Khoa học và Công nghệ không nhận được hồ sơ đề nghị đánh giá, nghiệm thu đầy đủ trong thời gian 30 ngày kể từ thời điểm kết thúc hợp đồng hoặc gia hạn (nếu có), Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện các thủ tục chấm dứt Hợp đồng theo quy định tại Thông tư quy định việc kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước”.

**6) Quy định về thành phần hội đồng, tổ chuyên gia:** Các quy định hiện tại đang quy định “Tổ chuyên gia tư vấn đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ cấp quốc gia được thành lập trong trường hợp nhiệm vụ có sản phẩm đo kiểm được”; Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ cấp quốc gia có 09 thành viên, trong đó: 06 thành viên là chuyên gia KH&CN được lấy từ cơ sở dữ liệu chuyên gia của Bộ KH&CN …

*Tồn tại, hạn chế:* Nghị định số 08/NĐ-CP lại không quy định “Thành viên Hội đồng là nhà khoa học thuộc cơ sở dữ liệu chuyên gia KH&CN do Bộ KH&CN phê duyệt, đại diện cơ quan quản lý, chuyên gia kinh tế, đại diện tổ chức có khả năng ứng dụng kết quả nghiên cứu có năng lực và chuyên môn phù hợp”, do đó cần điều chỉnh quy định trên để đồng nhất với quy định tại Nghị định. Bên cạnh đó, quy định hiện tại chỉ thành lập tổ chuyên gia trong trường hợp nhiệm vụ có sản phẩm kiểm đếm được, trong khi đó các nhiệm vụ về xã hội, tự nhiên và nhân văn mặc dù không có sản phẩm dạng I nhưng vẫn cần có tổ chuyên gia để đánh giá chất lượng, kiểm đếm các sản phẩm dạng II của nhiệm vụ. Số lượng thành viên hội đồng cố định 9 thành viên, chưa đồng nhất so với các quy định tại Thông tư 03, 07 về tư vấn xác định nhiệm vụ và Thông tư 08 về tuyển chọn, xét chọn.

*Phương án:* Điều chỉnh về tiêu chí của thành viên hội đồng, đảm bảo thống nhất với các văn bản có liên quan; điều chỉnh quy định cứng về việc có tổ chuyên gia đánh giá, kiểm đếm các sản phẩm của nhiệm vụ và quy định về trình tự làm việc của tổ chuyên gia. Số lượng thành viên hội đồng dao động từ 7-9 thành viên.

**7) Quy định về các biểu mẫu đánh giá nghiệm thu:** Về phương pháp đánh giá:Theo quy định hiện tại thì việc đánh giá nghiệm thu theo nguyên tắc “cơ chế đặt hàng”, dựa trên sản phẩm theo hợp đồng (các chủng loại sản phẩm, số lượng, chất lượng sản phẩm…) đã ký giữa Bộ chủ trì và Cơ quan chủ trì như: “Xuất sắc” khi tất cả tiêu chí về sản phẩm đều đạt mức ‘Xuất sắc” và Báo cáo tổng hợp đạt mức “Đạt” trở lên; “Đạt” khi đáp ứng đồng thời các yêu cầu: Tất cả các tiêu chí về chất lượng, chủng loại sản phẩm ở mức “Đạt” trở lên; ít nhất 3/4 tiêu chí về khối lượng, số lượng sản phẩm ở mức “Đạt” trở lên (những sản phẩm không đạt về khối lượng, số lượng thì vẫn phải đảm bảo đạt ít nhất 3/4 so với đặt hàng), Báo cáo tổng hợp đạt mức “Đạt” trở lên; “Không đạt” khi không thuộc hai trường hợp trên hoặc nộp hồ sơ chậm quá 06 tháng kể từ thời điểm kết thúc hợp đồng hoặc thời điểm được gia hạn (nếu có).

*Một số hạn chế, bất cập:* Phương pháp đánh giá trên đã bộc lộ một số vấn đề khó khăn khi áp dụng với các nhiệm vụ có sản phẩm về bài báo và đào tạo, cụ thể như: Việc thu hút sinh viên theo học các trường Đại học gặp nhiều khó khăn, đó rất khó để các nhiệm vụ hoàn thành sản phẩm liên quan đến hỗ trợ đào tạo sinh viên sau đại học. Tương tự như vậy, các dự án sản xuất thử nghiệm rất khó có tính mới để có thể đăng bài báo trên các tạp chí chuyên ngành. Nếu áp dụng các quy định về đánh giá nêu trên thì nhiệm vụ sẽ không đạt yêu cầu khi thiếu sản phẩm là đào tạo, bài báo. Vì vậy, cần điều chỉnh cách đánh giá theo hướng nâng cao trọng số vào các sản phẩm chính và hướng dẫn đánh giá theo cách chấm điểm và xem xét đánh giá các tiêu chí về tổ chức thực hiện, và tính vượt trội của nhiệm vụ.

Bên cạnh đó, việc đăng ký bảo hộ quyền SHTT trong thời gian thực hiện nhiệm vụ khó có thể được cấp văn bằng, thường chỉ có Giấy tiếp nhận hoặc văn bản công nhận đơn hợp lệ. Do vậy, cũng cần đánh giá theo trọng số mức độ hoàn thành.

*Phương án:* điều chỉnh cách đánh giá của hội đồng theo phương pháp chấm điểm, trong đó có trọng số và lượng hóa được các kết quả thực hiện. Đồng thời điều chỉnh các biểu mẫu có liên quan phù với cách đánh giá mới.

**8) Quy định về việc xác định số kinh phí phải hoàn trả ngân sách nhà nước đối với trường hợp Hội đồng đánh giá, nghiệm thu xếp loại ở mức “Không đạt”:** Quy định hiện tại chưa quy định cụ thể các bước để xác định định số kinh phí phải hoàn trả ngân sách nhà nước đối với trường hợp Hội đồng đánh giá, nghiệm thu xếp loại ở mức “Không đạt”, gây khó khăn cho các đơn vị quản lý khi phải xử lý tình huống trên. Việc xử lý hiện tại chủ yếu là vận dụng các biểu mẫu theo các quy định hiện hành. Do đó, dự thảo Thông tư đã xây dựng trình tự xác định số kinh phí phải hoàn trả ngân sách nhà nước theo quy định.

**9)** **Bổ sung quy định về trình tự thủ tục đánh giá, nghiệm thu đối với trường hợp nhiệm vụ liên quan bí mật nhà nước:** Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN chưa quy định cụ thể về trình tự thủ tục đánh giá, nghiệm thu đối với trường hợp nhiệm vụ liên quan bí mật nhà nước, gây khó khăn cho các cơ quan quản lý và tổ chức chủ trì trong việc đánh giá, nghiệm thu. Do đó, dự thảo Thông tư đã bổ sung 01 Chương quy định về truy trình đánh giá, nghiệm thu và xử lý kết quả thực hiện nhiệm vụ cấp quốc gia liên quan bí mật nhà nước

**10)** **Một số quy định khác cần sửa đổi:** Bên cạnh những vấn đề chính ở trên, một số bất cập khác như giải thích từ ngữ, phát ngôn của tổ chức chủ trì và chủ nhiệm về kết quả nghiên cứu, xử lý khi phát hiện vi phạm liên quan đến nhiệm vụ… cần được nghiên cứu, điều chỉnh cho phù hợp với thực tế triển khai, tạo sự thống nhất và đồng bộ với các văn bản có liên quan.

# TÀI LIỆU KÈM THEO

1. Dự thảo Thông tư.

2. Báo cáo tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của các bộ, cơ quan ngang bộ, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

3. Báo cáo thẩm định số …/PC ngày tháng năm 2023 của Vụ Pháp chế đối với dự thảo thông tư.

4. Báo cáo giải trình và tiếp thu ý kiến thẩm định của Vụ Pháp chế số …/BC-CNN ngày tháng năm 2024.

Vụ CNN kính trình Bộ trưởng xem xét và và có ý kiến chỉ đạo./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận*** | **KT.VỤ TRƯỞNG**  **PHÓ VỤ TRƯỞNG** |
| - Như trên;  - Thứ trưởng Lê Xuân Định;  - Thứ trưởng Trần Hồng Thái;  - Vụ PC, VPB (để phối hợp);  - Lưu: CNN. | **Lưu Quang Minh** |